

Số: 242/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 07 tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch văn hóa đôi thông kết hợp du lịch sinh thái, xã Ia Der, huyện Ia Grai và phường Diên Hồng, phường Yên Đỗ thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI  
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;*

*Căn cứ Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quyết định Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu du lịch văn hoá đôi thông kết hợp du lịch sinh thái, xã Ia Dêr, huyện Ia Grai và phường Diên Hồng, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch văn hoá đôi thông kết hợp du lịch sinh thái, xã Ia Der, huyện*



*Ia Grai và phường Diên Hồng, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Xét Tờ trình số 1413/TTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch văn hoá đồi thông kết hợp du lịch sinh thái, xã Ia Der, huyện Ia Grai và phường Diên Hồng, phường Yên Đỗ thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 289/BC-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng để UBND tỉnh phê duyệt với những nội dung như sau:

**(1) Tên quy hoạch:** Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch văn hóa đồi thông kết hợp du lịch sinh thái, xã Ia Der, huyện Ia Grai và phường Diên Hồng, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

### **(2) Tính chất, mục tiêu của đồ án quy hoạch**

- **Tính chất:** Là khu du lịch văn hóa kết hợp du lịch sinh thái, dịch vụ, nghỉ dưỡng gắn liền với các giá trị về cảnh quan tự nhiên, văn hóa tại khu vực quy hoạch.

#### **- Mục tiêu**

+ Trên cơ sở những thế mạnh sẵn có của cảnh quan khu vực quy hoạch để tái hiện, gìn giữ, phát huy và khai thác di sản văn hóa của các dân tộc tỉnh Gia Lai nói riêng và Tây Nguyên nói chung.

+ Hình thành một khu du lịch sinh thái, vui chơi giải trí, cây xanh thể dục thể thao gắn với môi trường, không gian kiến trúc cảnh quan phù hợp, đáp ứng nhu cầu phát triển khu du lịch theo định hướng phát triển chung của tỉnh.

+ Làm cơ sở pháp lý cho các cơ quan quản lý nhà nước triển khai quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo theo quy định pháp luật.

### **(3) Phạm vi, ranh giới và quy mô quy hoạch**

- **Phạm vi quy hoạch:** Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính xã Ia Dêr, huyện Ia Grai và phường Diên Hồng, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

#### **- Ranh giới quy hoạch**

+ Phía Đông: Giáp khu dân cư phường Diên Hồng và phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku;



+ Phía Tây: Giáp đất Cảnh sát cơ động (Công an tỉnh) và đường giao thông hiện trạng;

+ Phía Nam: Giáp đường Nguyễn Văn Cừ thuộc thành phố Pleiku và Tỉnh lộ 664 thuộc xã Ia Dêr, huyện Ia Grai;

+ Phía Bắc: Giáp đường giao thông hiện trạng thuộc huyện Ia Grai và đường Phan Đình Phùng thuộc thành phố Pleiku.

#### **- Quy mô quy hoạch**

+ Quy mô dân số quy đổi khoảng 500 người.

+ Dự báo lượng khách du lịch trung bình/năm: 100.000 khách/năm.

- Quy mô đất đai: Tổng diện tích lập quy hoạch: 135,69 ha (trong đó, diện tích thuộc xã Ia Dêr, huyện Grai: 122,74 ha; phường Diên Hồng, thành phố Pleiku: 12,42 ha; phường Yên Đỗ: 0,53 ha).

- Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/2.000.

#### **(4) Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật**

##### **(4.1) Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất**

- Đất văn hóa, dịch vụ (Thương mại - Dịch vụ): Bao gồm các chức năng như: khu tái hiện văn hoá, khu thương mại, khu ẩm thực, khu nghỉ dưỡng, khu lưu trú. Mật độ xây dựng <35%.

- Đất cây xanh chuyên đề: Bao gồm các chức năng như: Khu cây xanh chuyên đề, khu vui chơi giải trí, thể dục thể thao với mật độ xây dựng thấp. Mật độ xây dựng <25%.

- Đất cây xanh: Bao gồm các chức năng như: Khu cây xanh công viên, khu vực quảng trường, khu đất sản xuất cây nông nghiệp phục vụ du lịch, diện tích mặt nước và khu vực cây xanh cách ly. Mật độ xây dựng <5%.

- Khu vực rừng thông: Đề xuất khu vực cần được bảo tồn, khu vực cần di thực để đầu tư xây dựng phục vụ nhu cầu văn hóa, du lịch, dịch vụ. Mật độ xây dựng <5%.

- Khu vực dân cư hiện trạng cải tạo chỉnh trang. Mật độ xây dựng <40%.

##### **(4.2) Mật độ xây dựng và chiều cao công trình**

- Mật độ xây dựng gộp tối đa là 25%.

- Tầng cao công trình: Tuân thủ theo Nghị định 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ về quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và các quy định khác có liên quan.

##### **(4.3) Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật**

- Thiết kế theo QCVN 01:2021/BXD; Quy chuẩn 07:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật của Bộ Xây dựng và các quy định hiện hành khác có liên quan.

#### **(5) Định hướng phát triển không gian**



- Định hướng cơ cấu giao thông, sử dụng đất đảm bảo liên kết với dự án kết nối thuận lợi với trục đường đối ngoại chung của thành phố như tuyến đường Đ2 (đường Phan Đình Phùng nối dài), đường Tỉnh lộ 664 và đường Trần Phú nối dài.

- Tổ chức hai trục giao thông chính: Quy hoạch trục đường Quy hoạch Đ1, Đ4 kết nối từ đường Đ2 ở phía Bắc và Tỉnh lộ 664 ở phía Nam, đóng vai trò quan trọng trong việc định hình các phân khu chức năng cho toàn bộ khu vực quy hoạch.

- Từ hệ thống các đường trục chính, hình thành các đường khu vực trên cơ sở kết nối thuận lợi với khu vực chức năng, cụ thể:

+ Quy hoạch mới các trục đường quy hoạch Đ3 và Đ3', hình thành trục đường chính quanh hồ cảnh quan cũng như không gian đệm giữa khu dịch vụ du lịch và khu vực cảnh quan cây xanh, mặt nước phía Đông khu quy hoạch.

+ Quy hoạch mới trục đường quy hoạch Đ5, hình thành trục cảnh quan theo hướng Đông - Tây và tạo tuyến kết nối giữa trục đường quy hoạch Đ1 và đường quy hoạch Đ4; đồng thời, xác định không gian bảo tồn của rừng thông cũ và khu vực phát triển cho cảnh quan không gian rừng thông.

- Các chức năng chính của khu vực:

+ Đất văn hóa, dịch vụ (Thương mại - Dịch vụ): Bao gồm các chức năng như khu tái hiện văn hoá, khu thương mại, khu ẩm thực, khu nghỉ dưỡng, khu lưu trú.

+ Đất cây xanh chuyên đề: Bao gồm các chức năng như khu cây xanh chuyên đề, khu vui chơi giải trí, thể dục thể thao với mật độ xây dựng thấp.

+ Đất cây xanh: Bao gồm các chức năng như khu cây xanh công viên, khu vực quảng trường, khu đất sản xuất cây nông nghiệp phục vụ du lịch, diện tích mặt nước và khu vực cây xanh cách ly.

+ Khu vực rừng thông: Đề xuất khu vực cần được bảo tồn, khu vực cần di thực để đầu tư xây dựng phục vụ nhu cầu du lịch, dịch vụ.

+ Khu vực đất quốc phòng thực hiện theo quy định có liên quan. Khu vực dân cư hiện trạng cải tạo chỉnh trang.

+ Đất hạ tầng kỹ thuật: Bao gồm bãi đỗ xe và đất hạ tầng được bố trí tập trung và phân tán trong khu vực quy hoạch, đảm bảo bán kính phục vụ.

#### **(6) Quy hoạch sử dụng đất**

- Quy hoạch đất xây dựng theo từng giai đoạn quy hoạch như sau:

**Bảng cân bằng quy hoạch sử dụng đất**

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất du lịch - dịch vụ	20,44	15,07%
B	Đất cây xanh, công viên, mặt nước	86,28	63,59%
1	- Đất cây xanh sinh thái	61,64	



2	- Đất cây xanh phục vụ tham quan du lịch (cây nông nghiệp sạch, hữu cơ)	15,00	
3	- Đất công viên cây xanh chuyên đề	3,76	
4	- Công viên mặt nước	5,87	
<b>C</b>	<b>Đất ở hiện trạng</b>	<b>3,19</b>	<b>2,36%</b>
<b>D</b>	<b>Đất hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>0,26</b>	<b>0,20%</b>
<b>E</b>	<b>Đất bãi đậu xe, quảng trường</b>	<b>2,85</b>	<b>2,10%</b>
<b>F</b>	<b>Đất quốc phòng</b>	<b>1,45</b>	<b>1,07%</b>
<b>G</b>	<b>Đất giao thông</b>	<b>21,18</b>	<b>15,61%</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>135,69</b>	<b>100,00%</b>

**(7) Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

**(7.1) Quy hoạch hệ thống giao thông**

**Bảng quy mô mạng lưới giao thông**

STT	Tên đường	Ký hiệu mặt cắt	Lòng đường (m)	Phân cách (m)	Via hè (m)	Chỉ giới đường đỏ (m)
<b>I</b>	<b>Đường giao thông đối ngoại</b>					
1	Đường Nguyễn Văn Cừ (Tỉnh lộ 664)	1-1	2 x 7,5	0-3,0	2 x (6,0-7,5)	30,0
2	Đường quy hoạch Đ2 (đường Phan Đình Phùng nối dài)	2-2	11,0		3,75+7,25	22,0
3	Đường quy hoạch Đ2 (đường Phan Đình Phùng nối dài)	2'-2'	11,0		2 x 3,75	18,5
4	Đường Trần Phú nối dài	2"-2"	12,0		2 x 5,0	22,0
<b>II</b>	<b>Đường trục chính khu quy hoạch</b>					
1	Đường quy hoạch Đ1	1-1	15,0		2 x 7,5	30,0
2	Đường quy hoạch Đ4	4-4	2 x 8,0	4,0-6,0	2 x (2,0-4,0)	26,0-30,0
<b>III</b>	<b>Đường giao thông trong khu quy hoạch</b>					
1	Đường quy hoạch Đ3	3-3	8,0		2 x 4,0	16,0
2	Đường quy hoạch Đ3'	3'-3'	8,0-10,5		2,5+ hành lang kỹ thuật, cây xanh là 3,0m và 4,0 (9,5m)	17,5-20,0
3	Đường quy hoạch Đ5	5-5	7,0		2 x (1,5-3,0)	10,0-13,0
4	Đường quy hoạch Đ6	6-6	5,5		2 x 3,0	11,5

**(7.2) Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng**

\* Cao độ nền:

- Gồm 04 khu vực chính:

+ Khu vực đồi núi (Đất Quốc phòng): Khu vực giữ nguyên hiện trạng địa hình.

+ Khu vực đồi thông: Khu vực cây thông giữ nguyên hiện trạng, khu vực có bố trí công trình cho phép san nền cục bộ.

+ Khu vực đất trồng cây lâu năm phía Đông đường hiện trạng: Khu vực san nền cục bộ theo nền địa hình tự nhiên và theo cốt thiết kế giao thông.



+ Khu vực trồng cây nông nghiệp ngắn ngày, ruộng lúa, vùng trũng ngập nước: Khu vực san nền cục bộ theo nền địa hình tự nhiên và theo cốt thiết kế giao thông. Cho phép hạ nền khu vực trũng để tạo hồ điều hòa nước mặt, hồ sinh thái.

- Cao độ san nền quy hoạch căn cứ vào cao độ hiện trạng nền tự nhiên, cao độ các tuyến đường xung quanh khu vực nghiên cứu và các cao độ thiết kế trong các đồ án quy hoạch có liên quan. Cao độ san nền tương đối theo chiều cao nền tự nhiên, chỉ san gạt sơ bộ, đào - đắp cục bộ.

- Việc xác định độ cao nền xây dựng ngoài việc đảm bảo không ngập úng, khớp nối với các tuyến đường có sẵn tại khu vực và thoát nước nhanh chóng mà còn phải hợp lý để nền nhà các khu chỉnh trang không ngập úng cục bộ, đảm bảo thuận lợi việc đi lại của người dân.

- Cao độ thiết kế tim đường dựa vào cao độ khống chế tim đường có sẵn và các khu dân cư chỉnh trang.

- Khi san nền phải đảm bảo độ dốc để xây dựng nền các công trình.

- Hướng thoát chính về phía Đông và phía Tây - Bắc khu quy hoạch.

\* Thoát nước mưa:

- Chọn hệ thống thoát nước riêng.

- Hướng thoát nước: Toàn bộ nước mưa thu gom bằng cửa thu trên các tuyến đường quy hoạch. Hướng thoát chính đổ về phía Đông và phía Tây - Bắc khu quy hoạch.

- Lưu vực thoát nước: Lưu vực tính toán trong nội bộ khu vực nghiên cứu khoảng 135 ha. Lưu vực thoát nước được chia làm nhiều lưu vực để thu nước mặt thuận theo hướng thoát tự nhiên. Bố trí các cửa thu trên các trục đường chính để thu và thoát nước hiện trạng, tránh gây ngập úng cho các khu vực quanh dự án. Khu vực được chia làm các lưu vực nhỏ như sau:

+ Lưu vực chảy về hồ sinh thái phía Đông khu quy hoạch.

+ Lưu vực tiếp giáp trục đường Nguyễn Văn Cừ: Thu nước tập trung về cống ngang trên đường Nguyễn Văn Cừ và dẫn về các khe tự thủy ở phía Nam.

+ Lưu vực còn lại: Thu nước theo các trục giao thông và dẫn về phía Đông Bắc.

### **(7.3) Quy hoạch hệ thống cấp điện**

\* Tổng công suất cấp điện dự kiến:

- Phụ tải tính toán: 11.154,0 (kW).

- Công suất trạm biến áp dự kiến: 9.760,0 (kVA).

\* Nguồn điện: Nguồn điện lấy từ đường dây 22kv hiện có dọc đường Nguyễn Văn Cừ.

### **(7.4) Quy hoạch hệ thống cấp nước**

\* Dự báo nhu cầu cấp nước:  $Q = 1.044,0 \text{ m}^3/\text{ngày-dêm}$ .

\* Nguồn nước:

- Nguồn nước sinh hoạt từ hệ thống cấp nước của thành phố Pleiku thông qua các tuyến đường Phan Đình Phùng và đường Nguyễn Văn Cừ.

- Nguồn nước tưới cây, rửa đường và phòng cháy, chữa cháy từ hồ sinh thái trong khu quy hoạch.



\* Phương án cấp nước:

- Theo quy phạm cấp nước chữa cháy (QCVN 06:2020/BXD), phạm vi dự án tính cho 1 đám cháy với lưu lượng chữa cháy  $Q_{cc}=15$  (l/s); thời gian chữa cháy trong 3 giờ liên tục. Tổng nhu cầu dùng nước chữa cháy  $164m^3$ .

- Mạng lưới cấp nước đề xuất là mạng vòng kết hợp với mạng cụt. Mạng lưới cấp nước được đấu nối vào hệ thống đường ống cấp nước khu vực trên đường Phan Đình Phùng, Nguyễn Văn Cừ. Sử dụng ống D100mm và D63mm được đặt trên vỉa hè. Bố trí cấp nước cứu hỏa chung với cấp nước sinh hoạt thông qua các trụ cấp nước cứu hỏa đặt cách nhau khoảng 150 m trên vỉa hè.

**(7.5). Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý môi trường**

\* Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

- Lưu lượng thoát nước thải dự kiến:  $Q_{thai} = 570$  ( $m^3/ngđ$ ).

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải từ các công trình được thu gom từ hệ thống cống được bố trí trên vỉa hè. Nước thải được đưa về bể xử lý nước thải tại phía Đông Bắc khu quy hoạch.

- Hệ thống thoát nước thải được bố trí trên cơ sở hệ thống thoát nước tự chảy. Đối với những đoạn có độ dốc không phù hợp, độ sâu chôn ống lớn thì bố trí các trạm bơm chuyển tiếp nhằm giảm bớt độ sâu chôn ống.

- Trạm xử lý nước thải có tổng công suất  $570 m^3/ngđ$  (có thể chia theo giai đoạn đầu tư) đảm bảo nhu cầu xử lý nước thải và nhu cầu phát triển của khu vực. Chất lượng nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.

\* Vệ sinh môi trường:

- Trong khu quy hoạch bố trí các thùng rác công cộng để thu gom rác thải về bãi xử lý rác thải tập trung của thành phố.

- Tổng lượng rác thải:  $500 \text{ người} \times 1,3\text{kg/ngày} = 650 \text{ kg/ngày}$ .

**(7.6) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc**

- Đấu nối vào hệ thống thông tin liên lạc của thành phố hiện có chạy dọc đường Nguyễn Văn Cừ và đường Phan Đình Phùng.

- Đầu tư xây dựng hệ thống đường ống nhựa đi ngầm và các hồ kỹ thuật dọc theo vỉa hè của các lô đất để chờ đấu nối, việc lắp đặt đường dây tín hiệu sau này sẽ do các nhà mạng thực hiện.

**(8) Đánh giá môi trường chiến lược:** Thực hiện theo Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ “*Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường*”.

**(9) Các nội dung khác:** Tổ chức lập quy hoạch theo quy định.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân

các cấp và các cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XII, Kỳ họp thứ Mười ba thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Xây dựng; Giao thông và Vận tải;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, VP.



**CHỦ TỊCH**

**Hồ Văn Niên**